BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kế toán tài chính doanh nghiệp - 1104025
Mã lớp học phần: 110402502 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hồng Anh
Ngày thi: 12/12/2014 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.10**

Giám thị 1: P. Thuần Ký tên:
Giám thị 2: V. Phương Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090176	Lưu Bội	**Lâm**	15/01/1994			9,5	Chín năm	C14QT2	
2	1210090192	Hoàng Phan Thùy	**Liên**	25/01/1994			7,0	Bảy Không	C14QT2	
3	1210090195	Lê Thị Thúy	**Liễu**	02/04/1994			7,0	Bảy Không	C14QT2	
4	1210090196	Hồ Thị Thùy	**Linh**	07/01/1994			6,0	Sáu Không	C14QT2	
5	1210090199	Lê Thị Kim	**Linh**	20/04/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
6	1210090200	Lưu Thị Ngọc	**Linh**	10/09/1993			9,5	Chín năm	C14QT2	
7	1210090203	Nguyễn Thị Thùy	**Linh**	22/07/1994			8,0	Tám Không	C14QT2	
8	1210090205	Phan Thị Khánh	**Linh**	10/02/1994			4,5	Bốn năm	C14QT2	
9	1210090204	Phạm Thị	**Linh**	22/01/1993			5,5	Năm năm	C14QT2	
10	1210090206	Thái Kiến Dân	**Linh**	07/06/1994			5,5	Năm năm	C14QT2	
11	1210090207	Thiệu Khánh	**Linh**	22/01/1994			9,5	Chín năm	C14QT2	
12	1210090208	Trần Thị Mỹ	**Linh**	12/10/1994			5,0	Năm Không	C14QT2	
13	1110140118	Trần Thùy	**Linh**	28/08/1993			4,5	Bốn năm	C13TC1	
14	1210090209	Võ Thị Trúc	**Linh**	29/07/1993			9,0	Chín Không	C14QT2	
15	1210090214	Hoàng Thị Thu	**Loan**	15/10/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
16	1210090215	Lê Thị Mỹ	**Loan**	20/09/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
17	1210090216	Nguyễn Thị Quỳnh	**Loan**	11/07/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
18	1210090217	Vi Lê Phương	**Loan**	19/09/1994			8,0	Tám Không	C14QT2	
19	1210090221	Đỗ Ngọc	**Long**	04/01/1994			5,5	Năm năm	C14QT2	
20	1210090211	Lê Thị Bích	**Lộc**	26/11/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
21	1210090212	Nguyễn Hữu	**Lộc**	16/04/1994			7,0	Bảy Không	C14QT2	
22	1210090218	Trần Quang	**Lợi**	02/04/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
23	1210090225	Trương Thị Mỹ	**Luân**	25/11/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
24	1210090222	Lê Trọng	**Lượng**	10/01/1994			7,0	Bảy Không	C14QT2	
25	1210090227	Trần Thị Diệu	**Ly**	10/04/1992			8,5	Tám năm	C14QT2	
26	1210090228	Trần Thị Thảo	**Ly**	29/10/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
27	1210090229	Nguyễn Trương Thiên	**Lý**	08/02/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
28	1210090232	Lâm Ngọc	**Mai**	05/03/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
29	1210090233	Nguyễn Ngọc	**Mai**	10/02/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
30	1210090234	Chu Xuân	**Mạnh**	11/10/1993			5,0	Năm Không	C14QT2	
31	1210090230	Trần Gia	**Mẫn**	08/03/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
32	1210090236	Đặng Hoàng	**Minh**	22/04/1994			7,0	Bảy Không	C14QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090235	Lê Thị Như	**Minh**	20/05/1994			8,0	Tám Không	C14QT2	
34	1210090239	Liên Tiểu	**Trân**	12/05/1993			7,0	Bảy Không	C14QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Kế toán tài chính doanh nghiệp - 1104025
Mã lớp học phần: 110402502 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hồng Anh
Ngày thi: 12/12/2014 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.9**

Giám thị 1: Q Minh Ký tên:
Giám thị 2: M. Mỹ Ký tên:
Giám thị 3: Lê Văn Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090124	Trương Thị	**Hiền**	10/03/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
2	1210090126	Nguyễn Dương Trung	**Hiếu**	06/02/1994			6,0	Sáu Không	C14QT2	
3	1210090128	Trần Thị Bé	**Hiếu**	04/11/1994			5,5	Năm năm	C14QT2	
4	1210090125	Trịnh Ngọc	**Hiệp**	03/10/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
5	1210090129	Trương Thị Tuyết	**Hoa**	27/04/1994			6,5	Sáu năm	C14QT2	
6	1210090130	Đặng Thị Mỹ	**Hoan**	21/02/1994			5,5	Năm năm	C14QT2	
7	1210090134	Lê Nguyễn	**Hoàng**	28/10/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
8	1210090136	Thái	**Hoàng**	01/10/1994			4,0	Bốn Không	C14QT2	
9	1210090140	Nguyễn Vũ Huỳnh	**Hòa**	19/08/1993			6,5	Sáu năm	C14QT2	
10	1210090148	Hoàng Văn	**Hóa**	01/06/1994			5,0	Năm Không	C14QT2	
11	1210090137	Nguyễn Thái	**Học**	23/10/1994			4,0	Bốn Không	C14QT2	
12	1210090133	Trần Ngọc	**Hồng**	11/05/1994			7,0	Bảy Không	C14QT2	
13	1210090138	Trương Thị Tuyết	**Hơn**	10/10/1993			6,5	Sáu năm	C14QT2	
14	1210090149	Nguyễn Thành	**Huân**	12/03/1993			6,5	Sáu năm	C14QT2	
15	1210090150	Cô Thục	**Huệ**	06/01/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
16	1210090154	Lê Khắc	**Huy**	19/06/1993			6,0	Sáu Không	C14QT2	
17	1210090156	Phạm Khắc	**Huy**	19/09/1994	✓		✓		C14QT2	✓
18	1210090157	Huỳnh Thị Mỹ	**Huyền**	20/04/1994			4,0	Bốn Không	C14QT2	
19	1210090158	Lê Thu	**Huyền**	03/09/1993			5,5	Năm năm	C14QT2	
20	1210090159	Nguyễn Ngọc	**Huyền**	20/02/1994			7,0	Bảy Không	C14QT2	
21	1210090160	Nguyễn Thị Ngọc	**Huyền**	18/05/1994			4,5	Bốn năm	C14QT2	
22	1210090161	Trần Minh	**Huyền**	29/10/1994			2,0	Hai Không	C14QT2	
23	1210090162	Trần Thị Thu	**Huyền**	01/12/1994			4,5	Bốn năm	C14QT2	
24	1210090151	Lìu Say	**Hùng**	22/10/1993			7,0	Bảy Không	C14QT2	
25	1210090153	Nguyễn Minh	**Hùng**	20/01/1994			6,0	Sáu Không	C14QT2	
26	1210090139	Ngô Thành	**Hưng**	28/06/1990			1,0	Một Không	C14QT2	
27	1210090143	Nguyễn Thị Diễm	**Hương**	20/12/1993			6,0	Sáu Không	C14QT2	
28	1210090145	Trần Thị Thanh	**Hường**	01/08/1994			1,5	Một năm	C14QT2	
29	1210090146	Nguyễn Thế	**Hữu**	09/11/1993			1,0	Một Không	C14QT2	
30	1210090163	Phạm Thị Kiều	**Kha**	26/08/1994	Kha		4,5	Bốn năm	C14QT2	
31	1210090164	Lê Ngọc	**Khang**	1993			5,5	Năm năm	C14QT2	
32	1210090165	Nguyễn Hoàng Duy	**Khánh**	17/01/1994	Khanh		6,5	Sáu năm	C14QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090166	Phạm Ngân	**Khánh**	17/04/1992			4,5	Bốn năm	C14QT2	
34	1210090167	Tăng Minh	**Khánh**	02/09/1994			3,0	Ba Không	C14QT2	
35	1210090168	Trần Minh	**Khoa**	14/09/1994			5,5	Năm năm	C14QT2	
36	1210090169	Nguyễn Bảo	**Khương**	24/05/1990			5,5	Năm năm	C14QT2	
37	1210090170	Trương Văn	**Khương**	10/03/1994			4,0	Bốn Không	C14QT2	
38	1210090172	Trần Văn Trung	**Kiên**	27/05/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
39	1210090174	Đỗ Thị Diễm	**Kiều**	10/07/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
40	1210090175	Trần Thiên	**Kim**	27/03/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
41	1210090171	Ong Cảo	**Kía**	06/06/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	
42	1210090177	Đỗ Lương Quỳnh	**Lai**	02/07/1994			8,5	Tám năm	C14QT2	
43	1210090178	Nguyễn Thùy	**Lam**	05/12/1994			1,5	Một năm	C14QT2	
44	1210090180	Huỳnh Thị	**Lan**	31/07/1994			5,5	Năm năm	C14QT2	
45	1210090181	Lê Thị	**Lan**	02/01/1994			3,0	Ba Không	C14QT2	
46	1210090182	Mai Thị Thanh	**Lan**	08/05/1994			3,0	Ba Không	C14QT2	
47	1210090183	Nguyễn Thị	**Lan**	25/03/1993			8,0	Tám Không	C14QT2	
48	1210090187	Trương Ngọc	**Lan**	09/03/1994			6,0	Sáu Không	C14QT2	
49	1210090188	Đào Thị Cẩm	**Là**	16/02/1994			6,0	Sáu Không	C14QT2	
50	1210090191	Trần Thị	**Lành**	10/01/1994			7,5	Bảy năm	C14QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.